

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 5 - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bạch Ngọc Du	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phương	Phó Chủ tịch
Ông Hà Hùng	Thành viên
Ông Lê Quang Vinh	Thành viên
Ông Đỗ Quý Hải	Thành viên
Ông Trần Việt Sơn	Thành viên
Ông Trương Văn Mạnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/05/2018)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Công Sang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Bài	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/05/2018)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Bà Phan Thị Quỳnh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 29/05/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Vinh	Tổng giám đốc
Ông Trương Văn Mạnh	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/05/2018)
Ông Nguyễn Duy Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Minh Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2018)
Ông Phan Bá Quảng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phong	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCP



Lê Quang Vinh

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 06 năm 2019



Số: 23-19/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 19/06/2019, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty đã gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả tới từng đối tượng và gửi công văn yêu cầu cung cấp Báo cáo tài chính đến từng đơn vị nhận đầu tư. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận và Báo cáo tài chính của các đối tượng nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu cũng như chưa đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác và trả trước cho người bán đã tồn đọng qua một số kỳ kế toán cũng như chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số IV.7.1 - Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đã tiến hành điều chỉnh chi phí khấu hao năm 2016 và 2017 của công trình BOT - Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 - Km1027, tỉnh Quảng Nam vào giá vốn hàng bán trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh năm 2018. Đồng thời, chi phí khấu hao của công trình nêu trên đang được Tổng Công ty tạm xác định do công trình chưa được Bộ Giao thông vận tải quyết toán.

Đến thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty vẫn ghi nhận một phần chi phí quản lý của Dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 - Km1027, tỉnh Quảng Nam trên tài khoản 138 - Phải thu khác do dự án này chưa được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Đồng thời, khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm đang được Tổng Công ty theo dõi trên khoản mục 2421 - Chi phí trả trước ngắn hạn để đảm bảo lợi nhuận phải trả cho chủ đầu tư theo Hợp đồng BOT đã ký kết với Bộ Giao thông vận tải.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



Đặng Thị Kim Trinh

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2018-153-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS



Đoàn Tiến Hưng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1123-2018-153-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		757.449.256.678	659.340.806.584
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	3.270.947.011	29.555.633.095
1 Tiền	111		3.195.697.011	29.480.383.095
2 Các khoản tương đương tiền	112		75.250.000	75.250.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		606.131.877.908	602.363.106.311
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	127.263.902.360	164.829.350.795
2 Trả trước cho người bán	132	V.4.	271.333.855.682	225.167.156.041
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	207.534.119.866	212.366.599.475
IV Hàng tồn kho	140	V.6.	22.235.838.647	26.017.062.133
1 Hàng tồn kho	141		22.235.838.647	26.017.062.133
V Tài sản ngắn hạn khác	150		125.810.593.112	1.405.005.045
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	124.648.189.254	115.910.511
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.162.403.858	1.289.094.534
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.395.652.889.525	1.548.423.578.077
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.660.000	1.660.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	1.660.000	1.660.000
II Tài sản cố định	220		1.100.030.059.065	756.427.003.040
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	1.072.279.207.995	728.676.151.970
- Nguyên giá	222		1.295.841.373.339	801.671.290.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(223.562.165.344)	(72.995.138.514)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	27.750.851.070	27.750.851.070
- Nguyên giá	228		27.860.851.070	27.860.851.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(110.000.000)	(110.000.000)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9.	144.300.032.481	639.986.269.764
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		144.300.032.481	639.986.269.764
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	150.533.481.019	151.276.271.642
1 Đầu tư vào công ty con	251		650.000.000	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		83.413.506.906	83.413.506.906
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		67.483.684.736	67.862.764.736
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.013.710.623)	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		787.656.960	732.373.631
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	787.656.960	732.373.631
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.153.102.146.203	2.207.764.384.661

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C NỢ PHẢI TRẢ	300		1.705.062.712.522	1.759.205.602.054
I Nợ ngắn hạn	310		666.529.883.226	649.403.456.122
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	272.472.449.883	271.925.469.160
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	51.911.866.406	19.522.587.735
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	6.004.851.299	7.500.841.525
4 Phải trả người lao động	314		4.489.566.995	4.766.172.143
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	78.490.128.516	97.145.672.137
6 Doanh thu chưa thực hiện	318	V.15.	575.677.118	494.728.248
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	68.638.880.057	40.091.865.611
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	178.494.693.933	202.642.453.461
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.451.769.019	5.313.666.102
II Nợ dài hạn	330		1.038.532.829.296	1.109.802.145.932
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	427.973.250	323.807.250
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	1.038.104.856.046	1.109.478.338.682
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		448.039.433.681	448.558.782.607
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	448.039.433.681	448.558.782.607
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		439.000.000.000	439.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		439.000.000.000	439.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		1.567.710.519	1.475.899.084
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.471.723.162	8.082.883.523
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.164.769.172	7.164.769.172
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		306.953.990	918.114.351
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.153.102.146.203	2.207.764.384.661

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 06 năm 2019

TỔNG CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCP

Người lập biểu

Lê Nguyễn Châu

Kế toán trưởng

Vũ Hải Nam

Tổng giám đốc

Lê Quang Vinh



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	275.121.982.980	489.895.450.192
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		275.121.982.980	489.895.450.192
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	223.034.100.376	199.874.558.866
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		52.087.882.604	290.020.891.326
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	37.536.781.406	9.598.085.844
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	20.069.919.259	223.831.008.938
Chi phí lãi vay	23		18.154.530.329	223.831.008.938
8 Chi phí bán hàng	25	VI.7.	3.851.619.920	3.080.824.372
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	61.223.739.044	71.935.422.949
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		4.479.385.787	771.720.911
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	9.900.275	482.321.294
12 Chi phí khác	32	VI.6.	3.597.288.115	49.528.783
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.587.387.840)	432.792.511
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		891.997.947	1.204.513.422
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	585.043.957	286.399.071
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		306.953.990	918.114.351
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	6,99	9,20

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 06 năm 2019

TỔNG CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCP

Người lập biểu



Lê Nguyễn Châu

Kế toán trưởng



Vũ Hải Nam

Tổng giám đốc



Lê Quang Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		891.997.947	1.204.513.422
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		172.337.272.532	5.186.761.222
- Các khoản dự phòng	03		1.013.710.623	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34.272.256.513)	(9.598.085.844)
- Chi phí lãi vay	06		18.154.530.329	223.831.008.938
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		158.125.254.918	220.624.197.738
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.642.080.921)	321.357.897.766
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.781.223.486	(1.343.746.389)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		49.128.056.721	(278.408.787.843)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(124.587.562.072)	740.120.141
- Tiền lãi vay đã trả	14		(18.369.030.329)	(132.560.102.206)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(286.399.071)	(2.067.743.140)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	358.592.036
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(376.200.000)	(737.514.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		63.773.262.732	127.962.913.585
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.960.311.694)	(33.198.801.434)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.186.363.636	145.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(69.814.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		69.814.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	10.236.089.721
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.237.241.406	780.646.054
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.463.293.348	(22.037.065.659)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		63.399.980.442	167.796.508.692
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(158.921.222.606)	(306.880.582.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(95.521.242.164)	(139.084.073.487)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(26.284.686.084)	(33.158.225.561)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.555.633.095	62.713.858.656
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	3.270.947.011	29.555.633.095

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 06 năm 2019

TỔNG CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCP

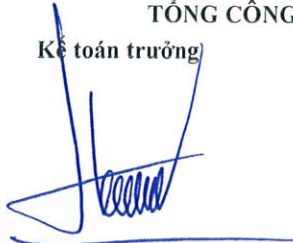
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Lê Nguyễn Châu



Vũ Hải Nam



Lê Quang Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tên giao dịch là CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION No.5, tên viết tắt là CIENCO5, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập theo Quyết định số 4893/QĐ-TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ Giao thông vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 109860 ngày 29/01/1996.

Tổng Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH MTV theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2010.

Tổng Công ty chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/06/2014 và thay đổi lần thứ 8 ngày 19/09/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/09/2016 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là **439.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba chín tỷ đồng./.)**.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông đường bộ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông trong và ngoài nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Tư vấn, đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất; Cho thuê văn phòng; Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh chuyển giao (BOT) trong và ngoài nước công trình giao thông, thủy điện, điện, công nghiệp; Đầu tư xây dựng - kinh doanh dịch vụ du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện; Kinh doanh điện; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tốt bện: Sản xuất sản phẩm từ gỗ; đồ gỗ mỹ nghệ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác và chế biến vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi, đất);
- Dạy nghề: Tổ chức đào tạo và liên kết dạy nghề hướng nghiệp chuyên ngành giao thông - vận tải phục vụ cho Công ty; Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; Đại lý du lịch: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; Khách sạn; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Quảng cáo; Phá dỡ: Phá dỡ gồm phá hủy hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác; Chuẩn bị mặt bằng: Chuẩn bị mặt bằng gồm: Làm sạch mặt bằng, vận chuyển đất, đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá; Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: Chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp. Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Hoạt động thăm dò địa chất; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, bán buôn phân hữu cơ sinh học, bao bì tự hủy, bán buôn nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất phân hữu cơ sinh học và sản xuất bao bì tự hủy;
- Sản xuất bê tông các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công công trình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ giao thông vận tải; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công dầm cầu thép, cấu kiện sản phẩm cơ khí khác;
- Bán lẻ hình thức khác chưa phân vào đâu: Kinh doanh trong siêu thị; Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh xăng dầu, gas hoá lỏng; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp: sản xuất phân hữu cơ sinh học, bao bì tự hủy, sản xuất vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất phân hữu cơ sinh học và sản xuất bao bì tự hủy (địa điểm sản xuất: Ngoài địa bàn TP Đà Nẵng); Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt thiết bị trong công trình xây dựng./.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 77 Nguyễn Du, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.8	Số 77 Nguyễn Du, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	65%	65%	65%

Danh sách các Công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 505	Tầng 3, toà nhà B, Chung cư 312 Dã Tượng - Phường Vĩnh Nguyên - Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	23,21%	23,21%	23,21%
2. Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 502	02 Phan Bội Châu - Phường Tân Thạnh - Thành phố Tam Kỳ - Quảng Nam	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	39,00%	39,00%	39,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
3. Công ty CP Xây dựng giao thông 503	K693/20 Trần Cao Vân - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	36,50%	36,50%	36,50%
4. Công ty CP Xây dựng công trình 518	10 Đường Số 1, KDC Nhà ở Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	22,05%	22,05%	22,05%
5. Công ty CP 520	54 Đường số 10, Phường 8, TP. Tuy Hoà, Phú Yên	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	48,00%	48,00%	48,00%
6. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	Số 18, Ngõ Thị Nhậm - Phường Quang Trung - Quận Hà Đông - Hà Nội	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	48,00%	48,00%	48,00%
7. Công ty CP Vật liệu xây dựng 323	Thôn Phước Thuận, Xã Hoà Nhơn, Huyện Hoà Vang, Đà Nẵng	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	31,86%	31,86%	31,86%
8. Công ty CP Xây dựng giao thông 325	185- Phó Đức Chính, Tổ 51, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	36,16%	36,16%	36,16%
9. Công ty TNHH MTV Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắk Lắk	36 Hùng Vương, Tp. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk	Quản lý và duy tu bảo dưỡng đường bộ	40,00%	40,00%	40,00%
10. Công ty CP Xây dựng công trình 507	A28/D11 khu ĐTM Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	40,46%	40,46%	40,46%
11. Công ty TNHH MTV 508	Khu 3, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	29,60%	29,60%	29,60%
12. Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu giao thông 529	Tổ 20, Phường Nam Sơn, Thành phố Tam Điệp, Ninh Bình	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	49,00%	49,00%	49,00%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Cienco5 BOT - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 - CTCP. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Tổng Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bình Định.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bình Định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Theo Nghị quyết số 1451/NQ-TCT5 ngày 24/10/2017 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty thông qua việc góp vốn thành lập các Công ty con là: Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.7, Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.8 và Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.9, với số vốn góp là: 6,5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ của ba Công ty nêu trên. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty mới góp được 650 triệu đồng vào Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.8.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty chưa thực hiện việc trích lập đầy đủ dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào các Công ty liên kết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cost và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cost và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cost được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty chưa tiến hành trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

7.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải	07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

Đối với tài sản cố định phục vụ hoạt động BOT:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa, vật kiến trúc (Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 - Km1027, tỉnh Quảng Nam theo hình thức hợp đồng BOT do Tổng Công ty là chủ đầu tư)	Thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án
--	--

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tổng Công ty đã ghi nhận bổ sung 110.351.787.994 đồng chi phí khấu hao năm 2016 và 2017 của công trình BOT - Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 - Km1027, tỉnh Quảng Nam vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

7.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Tổng Công ty không thực hiện việc trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính của Tổng Công ty đã được khấu hao hết.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên liên doanh bỏ ra thì bên đó phải gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

BCC chia lợi nhuận sau thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

Trong năm 2018, Tổng Công ty thực hiện hợp tác đầu tư theo Hợp đồng số 089/2018/HĐHTĐT ký ngày 09 tháng 08 năm 2018 với Công ty CP Địa ốc S.E.A Thuận Phước. Theo đó, hai bên sẽ tiến hành góp vốn đầu tư, xây dựng, quản lý và kinh doanh Dự án: Khu Công viên văn hóa đa chức năng thành phố Hội An; tại địa điểm: Phường Thanh Hà và Phường Cẩm Phô, thành phố Hội An. Tổng vốn đầu tư tạm tính của Dự án là 800 tỷ đồng, tổng vốn góp tạm tính 500 tỷ đồng. Trong đó, Tổng Công ty góp 67,5 tỷ đồng và Công ty CP Địa ốc S.E.A Thuận Phước góp 82,5 tỷ đồng, dưới hình thức hai bên thống nhất mở một tài khoản đồng sở hữu tại Ngân hàng Phương Đông, Chi nhánh Trung Việt do Công ty CP Địa ốc S.E.A Thuận Phước đứng tên tài khoản.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty bao gồm các công trình: dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 - Km1027, tỉnh Quảng Nam, dự án đường trục phía nam tỉnh Hà Tây (cũ), dự án xây dựng khu dân cư Đông Nam và các công trình khác,...được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 - Km1027, tỉnh Quảng Nam theo hình thức hợp đồng BOT ký kết với Bộ Giao thông vận tải, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: phí môi giới dịch vụ kinh doanh Khu đô thị Châu Ô, giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí lãi vay, chi phí in vé và chi phí sửa chữa.

Chi phí môi giới dịch vụ kinh doanh Khu đô thị Châu Ô: được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên tỷ lệ tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng dự án Khu Đô thị Châu Ô.

Chi phí giá trị lợi thế kinh doanh: được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 10 năm.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

Chi phí lãi vay của Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987-Km1027, tỉnh Quảng Nam theo hình thức hợp đồng BOT được Tổng Công ty phân bổ dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh thực tế trong năm tài chính của Cienco5 BOT - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 - CTCP và phải đảm bảo tỷ suất lợi nhuận đạt mức 13% trên vốn tự có theo Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao của dự án đã ký giữa Bộ Giao thông vận tải và Tổng Công ty.

Chi phí in vé: Chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên số lượng vé xuất dùng thực tế.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng và khoản doanh thu chưa thực hiện của dự án Hà Tây.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là chi phí lãi vay phải trả và trích trước chi phí các công trình. Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế. Chi phí trích trước các công trình là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty là doanh thu từ xây dựng, cung cấp dịch vụ, hoạt động thu phí đường bộ, chuyển nhượng bất động sản và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ cho thuê máy được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán đất cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Tổng Công ty là tiền thu từ bán thanh lý công cụ, dụng cụ, bán thanh lý tài sản cố định, thu nhập từ bán hồ sơ thầu và các khoản thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, công cụ, dụng cụ, biên bản bàn giao, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán có liên quan.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Tổng Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 10% đối với hoạt động xây lắp, kinh doanh, cung cấp dịch vụ...

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền	3.195.697.011	29.480.383.095
Tiền mặt	1.000.631.565	2.898.935.620
Tiền gửi ngân hàng	2.195.065.446	26.581.447.475
Các khoản tương đương tiền	75.250.000	75.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định (*)	75.250.000	75.250.000
Cộng	3.270.947.011	29.555.633.095

(*) Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định.

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Ban QL các dự án đầu tư và Xây dựng gói 3.1 cầu Cửa Đại	14.225.194.651	-	14.375.194.651	-
Ban QL Khu kinh tế mở Chu Lai, gói thầu 3.2	74.072.094.162	-	74.072.094.162	-
Ban QL Khu kinh tế mở Chu Lai, gói thầu 3.3	5.791.541.223	-	5.791.541.223	-
Ban QL Khu kinh tế mở Chu Lai, gói thầu 3.4	2.227.618.000	-	2.227.618.000	-
Sở giao thông tỉnh Quảng Ngãi - Gói thầu 8a Quảng Ngãi	4.056.966.000	-	4.056.966.000	-
Ban QL gói thầu La Sơn - Lăng Cô	3.646.936.000	-	3.646.936.000	-
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH	6.013.661	-	29.274.698.639	-
Các đối tượng khác	23.237.538.663	-	31.384.302.120	-
Cộng	127.263.902.360	-	164.829.350.795	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

TỔNG CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCPT

Địa chỉ: Số 77 Nguyễn Du, P. Thạc Thanh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2018				01/01/2018			
	VND				VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	
a) Đầu tư vào công ty con	650.000.000	-	650.000.000	-	-	-	-	
Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.8	650.000.000	-	650.000.000	-	-	-	-	
b) Đầu tư vào công ty liên kết	83.413.506.906	-	83.413.506.906	83.413.506.906	-	-	83.413.506.906	
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 502	9.750.000.000	-	9.750.000.000	9.750.000.000	-	-	9.750.000.000	
Công ty CP Xây dựng giao thông 503	7.300.000.000	-	7.300.000.000	7.300.000.000	-	-	7.300.000.000	
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 505	8.125.000.000	-	8.125.000.000	8.125.000.000	-	-	8.125.000.000	
Công ty CP Xây dựng công trình 507	24.500.000.000	-	24.500.000.000	24.500.000.000	-	-	24.500.000.000	
Công ty TNHH MTV 508	2.960.000.000	-	2.960.000.000	2.960.000.000	-	-	2.960.000.000	
Công ty CP Xây dựng công trình 518	1.102.310.000	-	1.102.310.000	1.102.310.000	-	-	1.102.310.000	
Công ty CP 520	2.400.000.000	-	2.400.000.000	2.400.000.000	-	-	2.400.000.000	
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu giao thông 529	4.900.000.000	-	4.900.000.000	4.900.000.000	-	-	4.900.000.000	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	4.841.056.595	-	4.841.056.595	4.841.056.595	-	-	4.841.056.595	
Công ty TNHH MTV Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắklăk	14.000.000.000	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	
Công ty CP Xây dựng giao thông 325	1.942.140.311	-	1.942.140.311	1.942.140.311	-	-	1.942.140.311	
Công ty CP Vật liệu xây dựng 323	1.593.000.000	-	1.593.000.000	1.593.000.000	-	-	1.593.000.000	
Đầu tư vào đơn vị khác	67.483.684.736	1.013.710.623	66.469.974.113	67.862.764.736	-	-	67.862.764.736	
Công ty CP CIENCO 5 Xây dựng	4.172.627.329	-	4.172.627.329	4.172.627.329	-	-	4.172.627.329	
Công ty Xây dựng công trình giao thông 501	14.889.302.931	-	14.889.302.931	15.268.382.931	-	-	15.268.382.931	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 515	4.957.161.218	1.013.710.623	3.943.450.595	4.957.161.218	-	-	4.957.161.218	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 537	506.760.527	-	506.760.527	-	506.760.527
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 545	12.103.125.646	-	12.103.125.646	-	12.103.125.646
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 589	741.425.119	-	741.425.119	-	741.425.119
Công ty CP Xây dựng và Thương mại 591	873.096.544	-	873.096.544	-	873.096.544
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại 592	1.000.098.956	-	1.000.098.956	-	1.000.098.956
Công ty CP Đầu tư xây dựng 595	775.260.000	-	775.260.000	-	775.260.000
Công ty CP Xây dựng 597	1.002.043.577	-	1.002.043.577	-	1.002.043.577
Công ty Cổ phần 519	1.002.952.597	-	1.002.952.597	-	1.002.952.597
Công ty CP Xây dựng 546	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công trình 557	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 558	1.017.755.555	-	1.017.755.555	-	1.017.755.555
Công ty CP Đầu tư 568	1.006.627.638	-	1.006.627.638	-	1.006.627.638
Công ty CP Đầu tư xây dựng 575	1.130.030.030	-	1.130.030.030	-	1.130.030.030
Công ty CP Phát triển địa ốc CIENCO 5	20.305.417.069	-	20.305.417.069	-	20.305.417.069
Cộng	151.547.191.642	1.013.710.623	150.533.481.019	151.276.271.642	151.276.271.642

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con trong năm:

- Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.8 được thành lập theo Nghị quyết số 1451/NQ-TC/TS ngày 24/10/2017 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401861750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/11/2017. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401861750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/11/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là: 10.000.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Công ty đang bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và không có thay đổi lớn so với năm trước. Tính đến thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty mới góp được 650 triệu đồng trên tổng số vốn cam kết góp là: 6,5 tỷ đồng.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Ban quản lý Dự án Đường bộ 5	-	7.522.244.062
Công ty TNHH Xây dựng công trình CIENCO 5.9	-	4.130.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 501	-	5.016.003.861
Công ty Xây dựng và Công trình giao thông 502	17.914.111.669	17.914.111.669
Công ty Xây dựng và Công trình giao thông 503	14.453.032.823	14.453.032.823
Công ty Xây dựng và Công trình giao thông 504	10.235.842.370	10.235.842.370
Công ty Xây dựng và Công trình giao thông 505	10.489.196.192	10.489.196.192
Chi nhánh HCM - Công ty 507	6.367.444.660	6.367.444.660
Công ty Xây dựng công trình 518	9.738.832.931	9.738.832.931
Xí nghiệp Xây dựng công trình giao thông 520	40.163.650.247	40.163.650.247
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	15.818.358.607	15.817.863.790
Công ty Xây dựng và Công trình giao thông 586	9.323.711.721	9.467.784.515
Công ty CP Xây dựng 546	22.018.876.487	22.018.876.487
Công ty CP Đầu tư Đỗ Hồng Quang	4.903.450.654	4.903.450.654
Trung tâm phát triển quỹ đất Tam Kỳ	5.735.951.776	5.735.951.776
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú Xuyên	27.508.022.300	-
Công ty TNHH Mạnh Kính	2.686.852.000	-
Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Sông Hồng	4.192.008.000	-
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Trí Việt	8.334.900.031	-
Các nhà cung cấp khác	61.449.613.214	41.192.870.004
Cộng	271.333.855.682	225.167.156.041
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2 .		

5. Phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	207.534.119.866	-	212.366.599.475	-
Phải thu khác	200.383.067.449	-	204.542.164.510	-
Ban điều hành Dự án	3.356.927.961	-	3.356.927.961	-
Nghi Sơn - Bãi Trành		-		-
Công đoàn Tổng Công ty	3.250.000.000	-	3.250.000.000	-
Chi phí quản lý dự án mở rộng quốc lộ 1 Quảng Nam - BOT	22.107.435.139	-	31.096.381.911	-
Chi phí bồi thường nứt nhà không được bảo hiểm chấp nhận.	-	-	9.599.469.978	-
Công ty Xây dựng công trình giao thông 504	5.470.300.304	-	5.470.300.304	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty Xây dựng công trình giao thông 505	7.174.150.000	-	7.174.150.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình 507	13.558.296.834	-	13.558.296.834	-
Công ty TNHH MTV 508	13.258.185.007	-	13.258.185.007	-
Công ty Xây dựng công trình 518	9.011.851.478	-	9.011.851.478	-
Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu giao thông 529	5.840.256.605	-	5.840.256.605	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	6.603.473.699	-	7.300.315.793	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 577	1.500.000.000	-	5.520.792.991	-
Trung tâm Dịch vụ bảo trì và ĐTHN 579	-	-	4.099.314.732	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 585	7.498.529.028	-	7.498.529.028	-
Công ty Xây dựng công trình giao thông 586	-	-	7.618.516.302	-
XN Xây dựng đầu tư và Dịch vụ 595	6.060.608.959	-	6.060.608.959	-
Công ty TNHH Thương mại & Du lịch Hiệp Phúc	28.589.609.405	-	28.518.562.545	-
Công ty CP Đầu tư Đỗ Hồng Quang	7.353.290.892	-	9.353.290.892	-
Công ty CP Địa ốc S.E.A Thuận Phước (*)	30.121.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	29.629.152.138	-	26.956.413.190	-
Tạm ứng	2.278.238.086	-	2.291.304.530	-
Trịnh Quốc Định	82.165.169	-	82.165.169	-
Vũ Đức Dũng	383.202.657	-	383.202.657	-
Nguyễn Đức Hưng	128.173.675	-	15.750.600	-
Phan Minh Nam	95.000.000	-	95.000.000	-
Trương Phú Thọ	103.141.108	-	111.786.108	-
Nguyễn Thị Minh Thư	220.043.100	-	220.043.100	-
Trần Thanh Tịnh	636.933.761	-	636.933.761	-
Nguyễn Văn Tuấn	123.705.063	-	127.005.063	-
Nguyễn Đức Tư	187.379.385	-	187.379.385	-
Các đối tượng khác	318.494.168	-	432.038.687	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.000.000	-	10.000.000	-
Dư nợ TK3383	43.643.922	-	60.444.050	-
Dư nợ TK3384	-	-	21.465.150	-
Dư nợ TK3386	-	-	13.920.826	-
Dư nợ TK 3388	4.817.170.409	-	5.427.300.409	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b) Dài hạn	1.660.000	-	1.660.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.660.000	-	1.660.000	-
Cộng	207.535.779.866	-	212.368.259.475	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

(*): Tổng Công ty thực hiện hợp tác đầu tư theo Hợp đồng số 089/2018/HĐHTĐT ký ngày 09 tháng 08 năm 2018 với Công ty CP Địa ốc S.E.A Thuận Phước. Theo đó, hai bên sẽ tiến hành góp vốn đầu tư, xây dựng, quản lý và kinh doanh Dự án: Khu Công viên văn hóa đa chức năng thành phố Hội An; tại địa điểm: Phường Thanh Hà và Phường Cẩm Phô, thành phố Hội An. Tổng vốn đầu tư tạm tính của Dự án là 800 tỷ đồng, tổng vốn góp tạm tính 500 tỷ đồng. Trong đó, Tổng Công ty góp 67,5 tỷ đồng và Công ty CP Địa ốc S.E.A Thuận Phước góp 82,5 tỷ đồng, dưới hình thức hai bên thống nhất mở một tài khoản đồng sở hữu tại Ngân hàng Phương Đông, Chi nhánh Trung Việt do Công ty CP Địa ốc S.E.A Thuận Phước đứng tên tài khoản.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	22.235.838.647	-	26.017.062.133	-
Cộng	22.235.838.647	-	26.017.062.133	-

(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Tổng Công ty là chi phí dở dang của một số công trình: Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Dự án đường Nguyễn Hoàng - Tam Kỳ và một số công trình khác của Tổng Công ty.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm vi tính	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
Đơn vị tính: VND			
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2018	110.000.000	27.750.851.070	27.860.851.070
Số dư ngày 31/12/2018	110.000.000	27.750.851.070	27.860.851.070
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2018	110.000.000	-	110.000.000
Số dư ngày 31/12/2018	110.000.000	-	110.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	-	27.750.851.070	27.750.851.070
Tại ngày 31/12/2018	-	27.750.851.070	27.750.851.070

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 110.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCP

Địa chỉ: Số 77 Nguyễn Du, P. Thạc Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Công trình BOT - Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 - Km1027, tỉnh Quảng Nam	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2018	76.851.341.974	27.026.211.096	12.535.437.819	1.700.601.082	683.557.698.513	801.671.290.484
Mua trong năm	-	7.300.000.000	409.090.909	31.863.637	-	7.740.954.546
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	516.650.262.540	516.650.262.540
Thanh lý, nhượng bán	(11.247.798.226)	(18.973.336.005)	-	-	-	(30.221.134.231)
Số dư ngày 31/12/2018	65.603.543.748	15.352.875.091	12.944.528.728	1.732.464.719	1.200.207.961.053	1.295.841.373.339
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2018	44.454.297.116	19.454.630.379	7.445.289.216	1.387.165.581	253.756.222	72.995.138.514
Khấu hao trong năm (*)	2.605.614.592	1.756.542.564	1.164.685.502	103.216.250	166.707.213.624	172.337.272.532
Thanh lý, nhượng bán	(6.591.576.898)	(15.178.668.804)	-	-	-	(21.770.245.702)
Số dư ngày 31/12/2018	40.468.334.810	6.032.504.139	8.609.974.718	1.490.381.831	166.960.969.846	223.562.165.344
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2018	32.397.044.858	7.571.580.717	5.090.148.603	313.435.501	683.303.942.291	728.676.151.970
Tại ngày 31/12/2018	25.135.208.938	9.320.370.952	4.334.554.010	242.082.888	1.033.246.991.207	1.072.279.207.995

(*): Tổng chi phí khấu hao trong năm 2018 của Tổng Công ty là: 172.337.272.532 đồng, trong đó có 110.351.787.994 đồng chi phí khấu hao trích bổ sung cho các năm tài chính 2016 và 2017.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.156.317.899 VND.

- Giá trị còn lại của TSCĐ sử dụng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay: 1.065.639.821.895 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 - Km1027, tỉnh Quảng Nam	142.721.513.372	638.490.599.270
Dự án đường trục phía nam tỉnh Hà Tây (cũ)	815.972.682	-
Dự án khu đô thị Thái Km6 kết hợp Buôn Văn hóa - Du lịch Đắk Lắk	127.272.727	-
Khu dân cư Đông Nam Châu Ô	284.723.700	749.665.949
Trạm biến áp Tam Kỳ	-	409.090.909
Khu đô thị Bờ nam sông Trà Khúc, Quảng Ngãi	350.550.000	336.913.636
Cộng	144.300.032.481	639.986.269.764

10. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	124.648.189.254	115.910.511
Phí môi giới dịch vụ kinh doanh Khu đô thị Châu Ô	4.079.177.181	-
Chi phí lãi vay	120.265.886.595	-
Chi phí in vé	303.125.478	-
Chi phí khác	-	115.910.511
b) Dài hạn	787.656.960	732.373.631
Lợi thế kinh doanh	487.816.091	577.874.446
Chi phí sửa chữa	299.840.869	154.499.185
Cộng	125.435.846.214	848.284.142

11. Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Xây dựng Cienco 5	5.781.009.295	5.781.009.295	5.829.009.295	5.829.009.295
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 501 - dự án BOT Quảng Nam	16.603.211.525	16.603.211.525	16.564.374.525	16.564.374.525
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 501 (Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Nam)	5.277.986.061	5.277.986.061	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 501 - dự án cầu Cửa Đại	3.994.890.930	3.994.890.930	3.994.890.930	3.994.890.930

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 501 - Dự án Ngọc Hồi Tân Cảnh	2.975.181.462	2.975.181.462	2.975.181.462	2.975.181.462
Công ty 507 - dự án ADB3-3	5.153.447.625	5.153.447.625	5.153.447.625	5.153.447.625
Công ty 507 - dự án R6 Hải Phòng	3.358.445.544	3.358.445.544	3.358.445.544	3.358.445.544
Công ty 507 - dự án S1 Thái Bình	9.540.273.495	9.540.273.495	9.540.273.495	9.540.273.495
Công ty TNHH MTV 508	3.941.120.372	3.941.120.372	3.955.054.244	3.955.054.244
Công ty Xây dựng công trình giao thông 510 - gói 3.2 cầu Cửa Đại	43.067.520.555	43.067.520.555	43.067.520.555	43.067.520.555
Công ty Xây dựng công trình giao thông 510 - gói 3.3 cầu Cửa Đại	5.266.176.741	5.266.176.741	5.266.176.741	5.266.176.741
Công ty Xây dựng công trình giao thông 510 - dự án Sài Gòn Trung Lương	4.246.879.027	4.246.879.027	4.246.879.027	4.246.879.027
Công ty Xây dựng công trình giao thông 515	5.114.342.637	5.114.342.637	5.114.342.637	5.114.342.637
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 525 (Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Nam)	5.107.660.127	5.107.660.127	4.425.128.879	4.425.128.879
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 525 - dự án Sài Gòn Trung Lương	4.221.089.628	4.221.089.628	4.221.089.628	4.221.089.628
Công ty 537 - dự án BOT Quảng Nam	8.432.140.327	8.432.140.327	9.131.140.327	9.131.140.327
Công ty 545 - dự án BOT Quảng Nam	5.035.235.406	5.035.235.406	5.089.435.406	5.089.435.406
Công ty CP Xây dựng công trình 545 (Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Nam)	7.921.552.286	7.921.552.286	5.171.923.612	5.171.923.612
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 577	451.733.029	451.733.029	2.582.526.020	2.582.526.020
Công ty 585 Hậu Giang - gói 3.1 dự án cầu Cửa Đại	1.674.929.847	1.674.929.847	2.790.614.617	2.790.614.617
Công ty 585 Hậu Giang - gói 3.2 dự án cầu Cửa Đại	7.126.163.723	7.126.163.723	7.126.163.723	7.126.163.723
Công ty CP Xây dựng công trình 585	3.312.849.805	3.312.849.805	3.312.849.805	3.312.849.805
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 585 - Cầu Thanh Hội	5.628.585.692	5.628.585.692	5.628.585.692	5.628.585.692
Công ty 592 - dự án BOT Quảng Nam	2.279.545.106	2.279.545.106	4.457.706.913	4.457.706.913

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại 592 - gói 8B Quảng Ngãi	2.649.727.971	2.649.727.971	3.049.727.971	3.049.727.971
Công ty CP 519 - dự án cầu Giẽ Ninh Bình	2.263.990.256	2.263.990.256	3.025.204.798	3.025.204.798
Công ty CP 519 gói 16 dự án Năm Căn Đất Mũi	2.749.561.521	2.749.561.521	2.929.265.767	2.929.265.767
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công trình 557 (Dự án QL1 BOT)	2.548.178.987	2.548.178.987	2.548.178.987	2.548.178.987
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng công trình 557 (Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Nam)	3.643.584.070	3.643.584.070	7.489.477.014	7.489.477.014
Công ty CP Đầu tư xây dựng 575 (Dự án QL1 BOT)	4.993.311.413	4.993.311.413	4.993.311.413	4.993.311.413
Công ty TNHH MTV Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắk Lắk	3.946.581.500	3.946.581.500	6.618.773.300	6.618.773.300
Công ty CP Đạt Phương	18.875.427.487	18.875.427.487	18.875.427.487	18.875.427.487
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông	3.704.323.680	3.704.323.680	3.408.021.680	3.408.021.680
Công ty TNHH Xây lắp và Kinh doanh vật liệu xây dựng Nhật Quang	2.731.590.000	2.731.590.000	2.755.390.000	2.755.390.000
Các đối tượng khác	58.854.202.753	58.854.202.753	53.229.930.041	53.229.930.041
Cộng	272.472.449.883	272.472.449.883	271.925.469.160	271.925.469.160

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ban QLDA Đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức thành phố Cần Thơ	36.755.055.871	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu thương mại Sông Trà	-	2.350.787.400
Ban Quản lý dự án Hồ Chí Minh (Gói thầu 19 Long An)	1.137.148.622	3.137.148.622
Công ty CP Xây lắp dầu khí PVC Trường Sơn - Dự án BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	1.594.000.000	2.494.000.000
Ban điều hành dự án Sài Gòn - Trung Lương	11.000.846.758	11.000.846.758
Các đối tượng khác	1.424.815.155	539.804.955
Cộng	51.911.866.406	19.522.587.735

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2018
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.676.058.476	17.617.139.199	18.640.125.286	653.072.389
Thuế TNDN	1.044.925.622	585.043.957	286.399.071	1.343.570.508
Thuế thu nhập cá nhân	75.815.097	775.029.403	724.830.055	126.014.445
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.704.042.330	4.232.451.073	5.054.299.446	3.882.193.957
Thuế môn bài	-	8.500.000	8.500.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	467.228.554	467.228.554	-
Cộng	7.500.841.525	23.685.392.186	25.181.382.412	6.004.851.299

14. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ban điều hành dự án ADB3-3	7.161.406.525	7.161.406.525
Dự án Thủy điện Ba Hạ (Chủ đầu tư)	2.209.990.852	2.209.990.852
Ban điều hành Dự án Nghi Sơn - Bãi Trành	413.229.006	413.229.006
Ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng gói 3.1 cầu CĐ	8.281.281.305	8.281.281.305
Ban quản lý Kinh tế mới Chu Lai, Gói thầu 3.2	5.479.402.615	5.479.402.615
Dự án Cầu, đường Bình Triệu II	11.261.838.645	11.261.838.645
Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	7.992.691.680	22.183.652.402
Gói thầu số 15 mở rộng Quảng Ngãi	7.246.089.127	7.246.089.127
Gói thầu số 8a Quảng Ngãi	798.014.709	798.014.709
Ban quản lý dự án Hồ Chí Minh (Gói thầu 19 Long An)	3.811.350.834	3.811.350.834
Khu dân cư Châu Ổ	1.732.189.918	3.938.914.615
Lãi vay Dự án quốc lộ 1 BOT - CIENCOS BOT	12.749.983.790	12.964.483.790
Dự án R5	4.965.267.432	4.965.267.432
Chi phí dự án Cầu Rạch Miễu	3.676.513.263	3.676.513.263
Ban quản lý dự án Tân Uyên (cầu Thành Hội - Công ty 585)	173.578.540	173.578.540
Chi phí thí nghiệm (Dự án Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	-	715.151.818
Chi phí duy tu, bảo dưỡng - Công ty Đông Giang	436.449.092	1.092.349.914
Chi phí vệ sĩ quý IV	-	410.688.000
Chi hỗ trợ đất đôn để làm hệ thống thoát nước dọc	-	154.636.000
Trích trước một số chi phí khác	100.851.183	207.832.745
Cộng	78.490.128.516	97.145.672.137

15. Doanh thu chưa thực hiện

Ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Doanh thu của hoạt động cho thuê văn phòng	80.948.870	-
Doanh thu chưa thực hiện của dự án Hà Tây	494.728.248	494.728.248
Cộng	575.677.118	494.728.248

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Kinh phí công đoàn</i>	68.638.880.057	40.091.865.611
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	72.424.834	57.245.775
<i>Bảo hiểm y tế</i>	47.327.056	76.923.888
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	40.994.176	1.486.800
<i>Các khoản phải trả khác</i>	10.383.611	660.800
Lê Hoàng Anh	52.967.776.532	25.220.726.667
Công ty CP Xăng dầu thương mại Sông Trà	3.356.288.000	-
Lê Thị Thu Nguyệt	6.268.766.400	-
Trần Thị Kim Nhung	1.440.000.000	-
Nguyễn Phú Quý	1.375.000.000	-
Tổng Công ty Xây dựng Trung Quốc	2.120.000.000	-
Chi hỗ trợ lao động dôi dư Công ty 586	1.396.147.527	1.396.147.527
Liên danh Công ty 503 và Cienco 5	3.750.743.900	3.750.743.900
Quỹ sắp xếp doanh nghiệp sau cổ phần hoá	2.850.000.000	2.850.000.000
Các đối tượng khác	13.762.855.002	13.762.855.002
<i>Tài khoản 138 dư có</i>	16.647.975.703	3.460.980.238
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Bắc Chu Lai	15.449.094.932	14.701.773.615
Xí nghiệp Thi công công trình Cienco5.5 thi công dự án Cao tốc	11.549.177.258	11.131.675.200
XN Thi công công trình 5.1 thi công hạng mục duy tu bảo dưỡng BOT	1.178.294.741	1.188.102.141
Các đối tượng khác	572.917.649	-
<i>Tài khoản 141 dư có</i>	2.148.705.284	2.381.996.274
b) Dài hạn	50.878.916	33.048.066
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	427.973.250	323.807.250
Cộng	427.973.250	323.807.250
	69.066.853.307	40.415.672.861

TỔNG CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCP

Địa chỉ: Số 77 Nguyễn Du, P. Thạc Thanh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a)							
Vay ngắn hạn	178.494.693.933	178.494.693.933	96.090.816.963	120.238.576.491	202.642.453.461	202.642.453.461	
Vay ngắn hạn	140.464.027.265	140.464.027.265	58.060.150.295	120.238.576.491	202.642.453.461	202.642.453.461	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định (1)	140.464.027.265	140.464.027.265	58.060.150.295	120.238.576.491	202.642.453.461	202.642.453.461	
Vay dài hạn đến hạn phải trả	38.030.666.668	38.030.666.668	38.030.666.668	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	310.666.668	310.666.668	310.666.668	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định (3)	37.720.000.000	37.720.000.000	37.720.000.000	-	-	-	
b)							
Vay dài hạn	1.038.104.856.046	1.038.104.856.046	5.339.830.147	76.713.312.783	1.109.478.338.682	1.109.478.338.682	
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Trung Việt	-	-	-	16.971.979.447	16.971.979.447	16.971.979.447	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định (3)	1.037.198.744.939	1.037.198.744.939	5.339.830.147	57.150.000.000	1.089.008.914.792	1.089.008.914.792	
Ngân hàng TMCP Việt Á	-	-	-	1.970.000.000	1.970.000.000	1.970.000.000	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	906.111.107	906.111.107	-	621.333.336	1.527.444.443	1.527.444.443	
Cộng	1.216.599.549.979	1.216.599.549.979	101.430.647.110	196.951.889.274	1.312.120.792.143	1.312.120.792.143	

(1): Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017/256819/HĐTD ngày 11/07/2017 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bình Định và Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - CTCP với điều khoản: Hạn mức vay: 200.000.000.000 đồng; Lãi suất: quy định theo từng lần giải ngân; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

(2): Hợp đồng tín dụng số 317/2016/HĐTD/TTB MT/01 ký ngày 25/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Đà Nẵng và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 - CTCP. Số tiền vay: 1.864.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô số THKC 2016_1557 ký ngày 10/11/2016. Tài sản đảm bảo: xe ô tô Toyota biển kiểm soát 43A-234.53 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 030235 do phòng Cảnh sát Giao thông - công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/11/2016.

(3): Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định: Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/BIDV-CIENCO5 Ký ngày 17/10/2013 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Định và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 - CTCP. Mục đích vay: đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 987-Km1027 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Quảng Nam (Km942-Km1027) theo hình thức BOT. Thời hạn vay 198 tháng (16,5 năm) lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản và các quyền tài sản quyền thu phí hình thành của dự án.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư ngày 01/01/2017	439.000.000.000	14.758.990.840	453.758.990.840
Lãi trong năm trước	-	918.114.351	918.114.351
Phân phối lợi nhuận	-	(7.594.221.668)	(7.594.221.668)
Số dư ngày 01/01/2018	439.000.000.000	8.082.883.523	447.082.883.523
Lãi trong năm nay	-	306.953.990	306.953.990
Phân phối lợi nhuận	-	(918.114.351)	(918.114.351)
Số dư ngày 31/12/2018	439.000.000.000	7.471.723.162	446.471.723.162

18.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn của Nhà nước	175.600.000.000	175.600.000.000
Công ty CP Đầu tư Hải Phát	169.805.000.000	169.805.000.000
Công ty CP Đầu tư Hải Phát Thủ đô	68.045.000.000	68.045.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	25.550.000.000	25.550.000.000
Cộng	439.000.000.000	439.000.000.000

18.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	439.000.000.000	439.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	439.000.000.000	439.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.900.000	43.900.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.900.000	43.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.900.000	43.900.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.900.000	43.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.900.000	43.900.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

18.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp	30.637.427.793	167.811.523.981
Doanh thu hoạt động thu phí đường bộ	204.946.884.078	242.911.656.804
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	29.899.509.401	79.172.269.407
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.638.161.708	-
Cộng	275.121.982.980	489.895.450.192
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	33.192.433.153	149.455.157.683
Giá vốn hoạt động thu phí đường bộ	166.707.213.624	(19.108.243.007)
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	20.358.991.657	69.527.644.190
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.775.461.942	-
Cộng	223.034.100.376	199.874.558.866
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	485.997.406	1.316.284.245
Lãi bán các khoản đầu tư	-	53.910.279
Lãi chậm trả của Công ty 586	38.751.244.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.700.460.000)	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.227.891.320
Cộng	37.536.781.406	9.598.085.844
4. Chi phí tài chính	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.154.530.329	223.831.008.938
Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	1.013.710.623	-
Chi phí tài chính khác	901.678.307	-
Cộng	20.069.919.259	223.831.008.938
5. Thu nhập khác	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	122.727.273
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ	3.550.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thu bán hồ sơ thầu	6.000.000	3.000.000
Thu nhập khác	350.275	356.594.021
Cộng	9.900.275	482.321.294
6. Chi phí khác	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	3.264.524.893	-
Phạt hành chính và thuế	332.761.840	-
Chi phí khác	1.382	49.528.783
Cộng	3.597.288.115	49.528.783
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	61.223.739.044	71.935.422.949
Chi phí nhân viên quản lý	22.144.917.437	23.538.434.225
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	55.500.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	93.213.554	872.788.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.042.745.776	5.186.761.222
Thuế, phí và lệ phí	7.500.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.443.194.742	18.496.313.959
Chi phí bằng tiền khác	18.436.667.535	23.841.125.302
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	3.851.619.920	3.080.824.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.116.790.150	-
Chi phí bằng tiền khác	734.829.770	3.080.824.372
Cộng	65.075.358.964	75.016.247.321
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.286.281	34.437.526.504
Chi phí nhân công	22.149.717.437	21.671.186.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.337.272.532	4.928.245.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.115.563.099	172.860.559.862
Chi phí khác bằng tiền	19.178.266.305	14.847.687.555
Cộng	238.961.105.654	248.745.205.972
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>	287.955.518.896	420.803.587.923
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	289.655.978.896	420.803.587.923
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.700.460.000)	-
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	288.938.031.019	420.569.150.013
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	288.605.269.179	420.346.668.080
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	332.761.840	222.481.933
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.050.709.717	456.919.843
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	210.141.943	91.383.969
Hoạt động chuyển nhượng bất động sản		
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	29.899.509.401	79.172.269.407
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	29.899.509.401	79.172.269.407
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	28.024.999.331	78.202.193.895
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	28.024.999.331	78.197.193.895
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.000.000
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.874.510.070	975.075.512
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	374.902.014	195.015.102
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	585.043.957	286.399.071

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	306.953.990	918.114.351
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	306.953.990	918.114.351
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	514.302.916
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	43.900.000	43.900.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,99	9,20

(*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2017 được điều chỉnh lại dựa trên số liệu thực tế Tổng Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp		
Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	1.216.777.775	-
Chuyển nợ thành vốn góp vào Công ty con	650.000.000	-
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường:	63.399.980.442	167.796.508.692

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

158.921.222.606

306.880.582.179

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.8
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 502
Công ty CP Xây dựng giao thông 503
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 505
Công ty CP Xây dựng công trình 507
Công ty TNHH MTV 508
Công ty CP Xây dựng công trình 518
Công ty CP 520
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu giao thông 529
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573
Công ty TNHH MTV Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăklăk
Công ty CP Xây dựng giao thông 325
Công ty CP Vật liệu xây dựng 323

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu	175.870.538.334	176.844.802.109
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>1.609.932.686</i>	<i>1.609.932.686</i>
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 505	1.582.026.050	1.582.026.050
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	27.906.636	27.906.636
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>116.117.639.049</i>	<i>116.115.060.730</i>
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 502	17.914.111.669	17.914.111.669
Công ty CP Xây dựng giao thông 503	14.453.032.823	14.453.032.823
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 505	10.489.196.192	10.489.196.192
Công ty CP Xây dựng công trình 507	10.911.844.851	10.909.761.349
Chi nhánh HCM - Công ty CP Xây dựng công trình 507	6.367.444.660	6.367.444.660
Công ty CP 520	40.163.650.247	40.163.650.247
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	15.818.358.607	15.817.863.790

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty CP Xây dựng công trình 507	10.911.844.851	10.909.761.349
Chi nhánh HCM - Công ty CP Xây dựng công trình 507	6.367.444.660	6.367.444.660
Công ty CP 520	40.163.650.247	40.163.650.247
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	15.818.358.607	15.817.863.790
Phải thu khác ngắn hạn	58.142.966.599	58.469.808.693
Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.8	370.000.000	-
Công ty CP Xây dựng giao thông 503	11.362.942	11.362.942
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 505	7.174.150.000	7.174.150.000
Công ty CP Xây dựng công trình 507	13.558.296.834	13.558.296.834
Công ty TNHH MTV 508	13.258.185.007	13.258.185.007
Công ty CP Xây dựng công trình 518	9.011.851.478	9.011.851.478
Công ty CP 520	2.126.876.391	2.126.876.391
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu giao thông 529	5.840.256.605	5.840.256.605
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	6.603.473.699	7.300.315.793
Công ty CP Xây dựng giao thông 325	117.349.705	117.349.705
Công ty CP Vật liệu xây dựng 323	71.163.938	71.163.938
Dư Nợ TK 3388	-	650.000.000
Công ty TNHH Xây dựng công trình giao thông Cienco 5.8	-	650.000.000
Các khoản phải trả	28.292.738.390	28.306.672.262
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	28.292.738.390	28.306.672.262
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 502	52.053.891	52.053.891
Công ty CP Xây dựng giao thông 503	1.885.428.452	1.885.428.452
Công ty CP Xây dựng công trình 507	19.708.515.606	19.708.515.606
Công ty TNHH MTV 508	4.628.841.669	4.642.775.541
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu giao thông 529	362.227.822	362.227.822
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 573	1.655.670.950	1.655.670.950
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	4.572.402.211	3.545.423.530
Cộng	4.572.402.211	3.545.423.530

3. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2017
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	35,18%	29,86%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	64,82%	70,14%
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	79,19%	79,68%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	20,81%	20,32%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	1,26	1,25
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,14	1,02
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,005	0,05
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0,32%	0,25%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,11%	0,19%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận / Tổng tài sản			
- Tỷ suất LN trước thuế/Tổng tài sản	%	0,04%	0,05%

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 06 năm 2019

TỔNG CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCP

Người lập biểu



Lê Nguyễn Châu

Kế toán trưởng



Vũ Hải Nam



Tổng giám đốc



Lê Quang Vinh